TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:1506/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 9 - 2022
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Chinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thành Viên;

Bà Võ Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Vy - Thư ký Tòa án nhân dân quận G.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Bá Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022 tại Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 411/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021 về "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 393/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 334/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số 2 đường Nguyễn Văn L, Phường, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1981; Địa chỉ: Số 226/8 đường Nguyễn Văn L, Phường, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/4/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – ông Nguyễn Ngọc C trình bày:

Ông C và bà H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hương M, thị xã Từ S, tỉnh B ngày 11/11/2002. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc một thời gian và sau đó xảy ra mâu thuẫn do cuộc sống chung của vợ chồng không hòa hợp, bất đồng qua điểm sống và không có tiếng nói chung, không cùng nhau vun đắp hạnh phúc gia đình. Ông nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên khởi kiện yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: Ông yêu cầu ly hôn với bà H.

Về con chung: Có 04 con chung

1/ Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 07/10/2002 đã thành niên ;

2/ Nguyễn Thị Hồng Y, sinh ngày 07/10/2002 đã thành niên;

3/ Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 17/9/2004 đã thành niên;

4/ Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 02/12/2010.

Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Minh Đ. Ông không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án không giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập bà H đến Tòa án để ghi nhận ý kiến của bà đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bà H vắng mặt. Sau đó, Tòa án niêm yết thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà H nhưng bà H không đến Tòa, không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình và cũng không có ý kiến về các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp nhận thấy cuộc sống chung của ông C và bà H có nhiều mâu thuẫn, không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên Viện kiểm sát nhân dân quận G đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Ông C được ly hôn với bà H

Về con chung: có 04 con chung gồm: Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 07/10/2002; Nguyễn Thị Hồng Y, sinh ngày 07/10/2002; Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 17/9/2004, cả 03 con chung đã thành niên;

Giao cho ông C trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 02/12/2010. Ông C không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con nên được ghi nhận.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà H, đây là tranh chấp về ly hôn. Bà H cư trú tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà H tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bà H vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H.

[2] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 67, quyển số 01 ngày 11/11/2002 của Ủy ban nhân dân xã Hương M, thị xã Từ S, tỉnh B thể hiện quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Ngọc C và bà Nguyễn Thị H là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông C, Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng phải có trách nhiệm thương yêu, tôn trọng và cùng chia sẻ mọi vấn đề trong cuộc sống. Theo lời trình bày của ông C thì vợ chồng luôn bất đồng quan điểm và cuộc sống chung không hòa hợp. Tòa án đã triệu tập bà Hà tham gia phiên hòa giải nhằm tạo điều kiện cho ông C và bà H hàn gắn đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng bà H không có thiện chí giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng và không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của ông C.

Qua kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân Phường 17, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung: Ông Nguyễn Ngọc C và bà Nguyễn Thị H có cuộc sống hôn nhân khép kín nên không ghi nhận được mâu thuẫn.

Từ những nhận định trên, trên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc C.

[3] Về con chung: Có 04 con chung

1/ Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 07/10/2002 đã thành niên ;

2/ Nguyễn Thị Hồng Y, sinh ngày 07/10/2002 đã thành niên;

3/ Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 17/9/2004 đã thành niên;

4/ Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 02/12/2010.

Giao ông C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 02/12/2010.

[4] Về mức cấp dưỡng nuôi con: Ông C không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 232, Điều 271, Khoản 1, Khoản 3 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc C.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Ngọc C ly hôn bà Nguyễn Thị H.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 67, quyển số 01 ngày 11/11/2002 của Ủy ban nhân dân xã Hương M, thị xã Từ S, tỉnh B hết hiệu lực.

2/ Về con chung: Có 04 con chung

1/ Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 07/10/2002 đã thành niên ;

2/ Nguyễn Thị Hồng Y, sinh ngày 07/10/2002 đã thành niên;

3/ Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 17/9/2004 đã thành niên;

4/ Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 02/12/2010.

Giao ông C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 02/12/2010 cho đến khi trẻ Đ đủ 18 tuổi. Ông C không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết.

Bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/ Về tài sản chung: Ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng ông Nguyễn Ngọc C phải chịu được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí ông C đã nộp theo biên lai thu số 0028292 ngày 13/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông C đã nộp đủ án phí.

5/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

6/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- UBND xã Hương Mạc, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Hoàng Thị Chinh